

ETA



**TÌNH HÌNH  
XUẤT, NHẬP KHẨU  
MỘT SỐ MẶT HÀNG CHÍNH  
SANG CÁC NƯỚC  
THÀNH VIÊN CPTPP**

**Tháng 5/2021**

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN  
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội






024. 22 205 420 - 024. 22 202 245



wto\_mtpd@moit.gov.vn

# XUẤT KHẨU

## Xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tháng 5/2021

Giá trị	Tỷ trọng	So tháng 4/2021	So cùng kỳ 2020
 <b>3,74 tỷ USD</b>	<b>14,00%</b> trên tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước	 <b>2,78%</b>	 <b>47,36%</b>

## Xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP 5 tháng đầu năm 2021

Giá trị	Tỷ trọng	So cùng kỳ 2020
 <b>18,08 tỷ USD</b>	<b>13,79%</b> trên tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước	 <b>20,78%</b>

Theo số liệu Bộ Công Thương tổng hợp, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang các nước thành viên CPTPP trong tháng 5/2021 đạt xấp xỉ 3,74 tỷ USD, giảm 2,78% so với tháng 4/2021 song tăng 47,36% so với tháng 5/2020. Tổng kim ngạch xuất khẩu sang khối thị trường này 5 tháng đầu năm 2021 đạt 18,08 tỷ USD, tăng 20,78% so cùng kỳ năm 2020; chiếm tỷ trọng 13,79% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước.

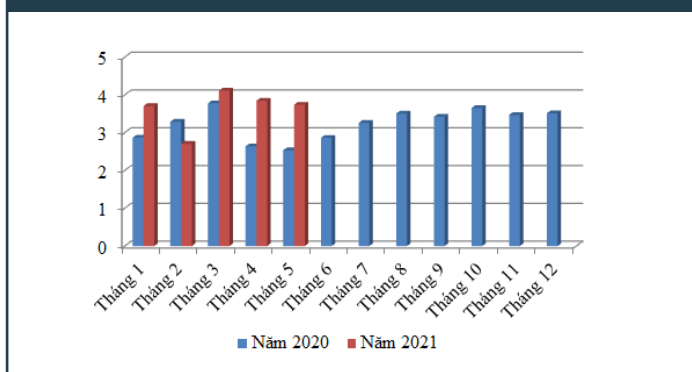
Nhật Bản là thị trường xuất khẩu lớn nhất của nước ta trong khối CPTPP, chiếm tỷ trọng tới 45,73% tổng kim ngạch xuất khẩu 5 tháng đầu năm nay sang khối thị trường này. Tiếp đến là: Canada chiếm 10,81%; Australia chiếm 9,93%; Malaysia chiếm 9,57%; Mexico chiếm 9,45%; Singapore chiếm 8,64%;...

Nhìn chung, kim ngạch xuất khẩu sang các thị trường trong khối CPTPP trong tháng 5/2021 hầu hết đều tăng cao so với cùng kỳ, trong đó Peru tăng mạnh nhất 372,24%; Chile tăng 188,08%; Mexico tăng 136,17%;...

Các mặt hàng xuất khẩu nhiều nhất sang khối thị trường này 5 tháng đầu năm nay là: Hàng dệt may chiếm 10,77%; Điện thoại các loại và linh kiện chiếm tỷ trọng 10,59%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 10,58%; Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm 10,47%; Phương tiện vận tải và phụ tùng chiếm 8,53%;...

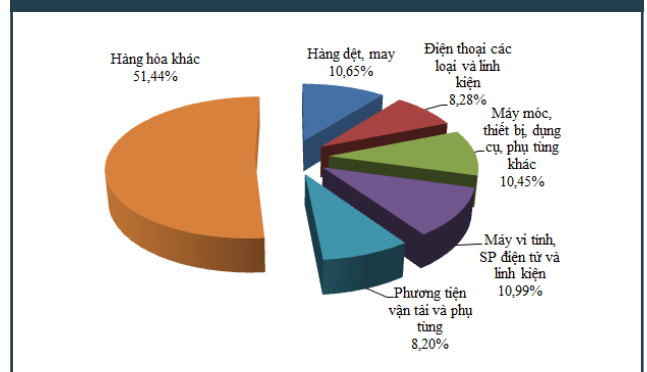
Đáng chú ý, trong tháng 5/2021, nhiều mặt hàng có trị giá xuất khẩu tăng cao so với cùng kỳ năm trước là: Clanhke và xi măng tăng 1.228,38%; Xăng dầu các loại tăng 383,85%; Dầu thô tăng 348,04%; Vải màn, vải kỹ thuật khác tăng 308,28%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 207,64%; Xơ, sợi dệt các loại tăng 150,14%; Phân bón các loại tăng 137,5%; Sắt thép các loại tăng 137,50%; Cao su tăng 113,14%; Chất dẻo nguyên liệu tăng 108,01%;...

Biểu đồ 01: Kim ngạch xuất khẩu sang khối thị trường CPTPP theo tháng trong năm 2020 và 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 02: Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu sang các nước thành viên CPTPP tháng 5/2021 (ĐVT: %)



Bảng 01: Tổng trị giá xuất khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021\*

STT	Tên thị trường	KN tháng 5/2021 (USD)	So với tháng 4/2021 (%)	So với tháng 5/2020 (%)	5 tháng năm 2021 (USD)	So với 5T/2020 (%)	Tỷ trọng XK của từng khối 5T/2020 (%)	Tỷ trọng so tổng XK của cả nước 5T/2020 (%)
<b>Tổng trị giá XK của cả nước</b>		<b>26.192.899.032</b>	<b>-1,34</b>	<b>36,52</b>	<b>131.129.990.076</b>	<b>30,85</b>	<b>-</b>	<b>100,00</b>
<b>Tổng trị giá XK sang CPTPP</b>		<b>3.739.329.304</b>	<b>-2,78</b>	<b>47,36</b>	<b>18.084.946.829</b>	<b>20,78</b>	<b>100,00</b>	<b>13,79</b>
1	Nhật Bản	1.662.031.343	-3,67	19,54	8.269.952.358	5,64	45,73	6,31
2	Canada	418.750.601	1,75	61,24	1.954.485.268	35,35	10,81	1,49
3	Australia	363.643.295	-6,22	65,66	1.795.477.608	27,83	9,93	1,37
4	Malaysia	350.527.234	-10,82	50,47	1.730.469.190	28,99	9,57	1,32
5	Mexico	421.468.619	17,15	136,17	1.708.232.185	49,10	9,45	1,30
6	Singapore	328.818.920	3,18	84,84	1.561.959.126	37,56	8,64	1,19
7	Chile	111.028.079	-10,40	188,08	556.162.513	50,10	3,08	0,42
8	New Zealand	45.091.005	-14,29	45,06	261.466.869	50,87	1,45	0,20
9	Peru	37.260.926	-48,82	372,24	242.485.071	103,55	1,34	0,18
10	Brunei	709.282	8,69	-33,26	4.256.641	-60,01	0,02	0,003

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 02: Kim ngạch xuất khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng XK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021




STT	Mặt hàng XK chính	Tháng 5/2021 (USD)	So với T4/2021 (%)	So với T5/2020 (%)	5 tháng 2021 (USD)	So với 5T/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng XK sang các nước CPTPP</b>		<b>3.739.329.304</b>	<b>-2,78</b>	<b>47,36</b>	<b>18.084.946.829</b>	<b>20,78</b>	<b>100,00</b>
1	Hàng dệt, may	398.142.708	-1,91	21,31	1.947.123.288	2,03	10,77
2	Điện thoại các loại và linh kiện	309.477.884	-26,80	95,37	1.914.334.375	17,04	10,59
3	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	390.661.843	-9,77	55,74	1.913.555.869	41,44	10,58
4	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	410.792.211	1,68	38,78	1.893.960.124	33,75	10,47
5	Phương tiện vận tải và phụ tùng	306.586.711	-0,31	88,11	1.542.734.364	17,15	8,53

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị xuất khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

## NHẬP KHẨU

### Nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP tháng 5/2021

Giá trị	Tỷ trọng	So tháng 4/2021	So cùng kỳ 2020
 <b>3,7 tỷ USD</b>	<b>13,07%</b> trên tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước	 <b>2,92%</b>	 <b>38,71%</b>

### Nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP 5 tháng đầu năm 2021

Giá trị	Tỷ trọng	So cùng kỳ 2020
 <b>18,13 tỷ USD</b>	<b>13,78%</b> trên tổng kim ngạch nhập khẩu cả nước	 <b>23,39%</b>

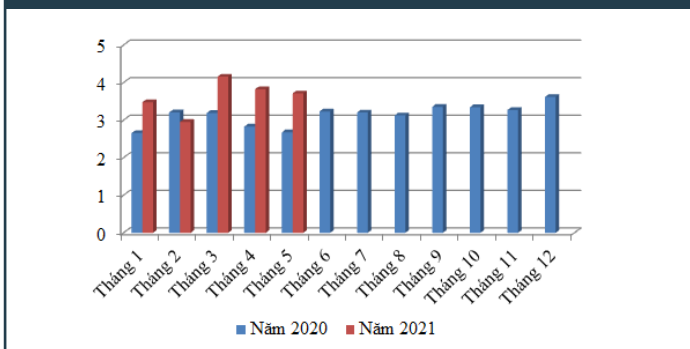
Trong tháng 5/2021, trị giá nhập khẩu hàng hóa từ các nước thành viên CPTPP đạt kim ngạch hơn 3,7 tỷ USD, giảm 2,92% so với tháng trước song tăng 38,71% so với cùng kỳ năm 2020. Tính chung 5 tháng đầu năm 2021, tổng nhập khẩu từ khối thị trường này đạt 18,13 tỷ USD, tăng 23,39% so với cùng kỳ năm trước; chiếm tỷ trọng 13,78% tổng trị giá nhập khẩu của cả nước.

Trong đó, nước ta nhập khẩu nhiều nhất từ 4 thị trường Nhật Bản, Malaysia, Australia và Singapore với kim ngạch 5 tháng đạt trên 1 tỷ USD.

Các mặt hàng nhập khẩu chính từ CPTPP trong 5 tháng đầu năm nay là: Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện chiếm tỷ trọng 18,01%; Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác chiếm 13,61%; Xăng dầu các loại chiếm 5,11%; Kim loại thường khác chiếm 4,65%; Quặng và khoáng sản khác chiếm 4,63%;...

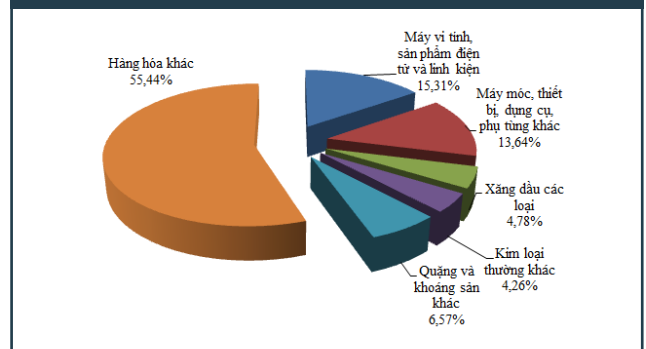
Trong tháng 5/2021, nhiều mặt hàng nhập khẩu từ khối thị trường này tăng cao so với cùng kỳ năm 2020 là: Bông các loại tăng 1.165,72%; Phân bón các loại tăng 482,86%; Phương tiện vận tải khác và phụ tùng tăng 453,21%; Quặng và khoáng sản khác tăng 393,4%; Đá quý, kim loại quý và sản phẩm tăng 329,57%; Hàng điện gia dụng và linh kiện tăng 257,1%; Điện thoại các loại và linh kiện tăng 162,19%; Nguyên phụ liệu dược phẩm tăng 123,17%; Cao su tăng 114,76%; Sản phẩm khác từ dầu mỏ tăng 113,41%.

Biểu đồ 03: Kim ngạch nhập khẩu từ khối thị trường CPTPP theo tháng trong năm 2020 và 2021 (ĐVT: tỷ USD)



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Biểu đồ 04: Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu từ các nước thành viên CPTPP tháng 5/2021 (ĐVT: %)



Bảng 03: Tổng trị giá nhập khẩu theo thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021\*

STT	Tên thị trường	KN tháng 5/2021 (USD)	So với tháng 4/2021 (%)	So với tháng 5/2020 (%)	5 tháng năm 2021 (USD)	So với 5T/2020 (%)	Tỷ trọng NK của từng khối 5T/2020 (%)	Tỷ trọng so tổng NK của cả nước 5T/2020 (%)
<b>Tổng giá trị NK của cả nước</b>		<b>28.266.715.230</b>	<b>1,77</b>	<b>55,52</b>	<b>131.603.302.166</b>	<b>36,13</b>	<b>-</b>	<b>100,00</b>
<b>Tổng giá trị NK từ CPTPP</b>		<b>3.711.144.758</b>	<b>-2,92</b>	<b>38,71</b>	<b>18.133.868.686</b>	<b>23,39</b>	<b>100</b>	<b>13,78</b>
1	Nhật Bản	1.760.965.567	-6,06	42,12	8.838.769.965	13,72	48,74	6,72
2	Malaysia	628.216.534	-16,27	30,61	3.502.854.008	46,38	19,32	2,66
3	Australia	706.709.517	22,09	71,57	2.916.867.264	50,79	16,09	2,22
4	Singapore	382.818.516	-2,00	55,20	1.812.929.638	24,69	10,00	1,38
5	Canada	82.807.645	23,10	40,04	323.894.628	9,16	1,79	0,25
6	New Zealand	59.527.723	-0,85	44,21	262.234.668	12,68	1,45	0,20
7	Mexico	43.528.506	19,33	-70,36	206.550.955	-33,68	1,14	0,16
8	Chile	27.756.197	-0,86	26,70	135.363.506	23,65	0,75	0,10
9	Brunei	13.938.410	-48,70	-46,37	98.621.848	-36,75	0,54	0,07
10	Peru	4.876.143	-49,58	193,03	35.782.206	-2,21	0,20	0,03

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của Việt Nam với từng nước trong bảng, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Bảng 04: Kim ngạch nhập khẩu theo nhóm ngành hàng (5 nhóm hàng NK mạnh nhất) đối với thị trường các nước thành viên CPTPP trong tháng 5 và 5 tháng đầu năm 2021

STT	Mặt hàng NK chính	Tháng 5/2021 (USD)	So với T4/2021 (%)	So với T5/2020 (%)	5 tháng 2021 (USD)	So với 5T/2020 (%)	Tỷ trọng (%)
<b>Tổng NK từ các nước CPTPP</b>		<b>3.711.144.758</b>	<b>-2,92</b>	<b>38,71</b>	<b>18.133.868.686</b>	<b>23,39</b>	<b>100</b>
1	Máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện	568.030.500	-11,50	16,20	3.266.191.893	18,82	18,01
2	Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng khác	506.267.285	-4,32	5,53	2.468.233.838	-2,20	13,61
3	Xăng dầu các loại	177.414.859	-15,14	78,69	926.944.769	70,25	5,11
4	Kim loại thường khác	158.259.956	-5,76	62,32	842.833.937	48,45	4,65
5	Quặng và khoáng sản khác	243.797.466	81,23	393,40	839.605.051	215,97	4,63

\* Ghi chú: Các số liệu này là giá trị nhập khẩu thực tế của từng mặt hàng sang các nước, không phân biệt hàng hóa có được hưởng ưu đãi trong khuôn khổ của FTA hay C/O theo cam kết giữa Việt Nam và nước đó hay không.

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan